

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán khối lượng hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025				Điều chỉnh tăng, giảm (-) nguồn vốn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung, phân bổ đợt 1 (gồm vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%) và điều chỉnh nguồn vốn				
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP				Bổ sung vốn thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Phân bổ đợt 1 vốn phân bổ chi tiết sau	Phân bổ đợt 1 vốn dự phòng 5% (nguồn thu tiền sử dụng đất)				Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+6+11+12	14	15	16
	Tổng số				8.154.569.4	7.150.305.6	7.115.916.2	897.460.000	3.707.639.488	30.485.782	669.931.835	2.554.868.871	452.353.000	-50.000.000	36.281.995	4.591.381.483	30.485.782	629.931.835	3.930.963.866
I	Dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020				56.072.2	51.808.5	17.419.0		17.419.048	17.419.048					17.419.048	17.419.048			
1	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông dê tả Thái Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Nam Sách	2019-2020	4459, 20/12/2019; 229, 17/01/2020; 640, 12/3/2020	7.911.7	7.911.7	4.346.2		4.346.218	4.346.218					4.346.218	4.346.218			
2	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông dê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Thanh Hà	2019-2020	4460, 20/12/2019; 232, 17/01/2020; 636, 12/3/2020	5.602.1	5.602.1	3.167.2		3.167.223	3.167.223					3.167.223	3.167.223			
3	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông dê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4461, 20/12/2019; 230, 17/01/2020; 639, 12/3/2020	5.737.3	5.737.3	3.307.4		3.307.392	3.307.392					3.307.392	3.307.392			
4	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Thắt Hùng và bãi sông dê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4457, 20/12/2019; 230, 17/01/2020; 639, 12/3/2020	5.500.0	5.500.0	2.732.1		2.732.064	2.732.064					2.732.064	2.732.064			
5	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông dê tả Kinh Môn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	2019-2020	4458, 20/12/2019; 233, 17/01/2020; 638, 12/3/2020	3.108.7	3.108.7	1.783.2		1.783.164	1.783.164					1.783.164	1.783.164			
6	Cải tạo, nâng cấp khu tượng đài Bác Hồ tại xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang	Ninh Giang	2015-2017	3279; 25/12/2014	22.863.7	19.400.0	537.9		537.857	537.857					537.857	537.857			
7	Nhà dạy nghề của Trung tâm giới thiệu việc làm thanh niên	TPHD	2011-2013	3350, 03/12/2010; 2359, 19/8/2011; 2393, 23/10/2013	5.348.7	4.548.7	1.545.1		1.545.130	1.545.130					1.545.130	1.545.130			

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán khối lượng hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Điều chỉnh tăng, giảm (-) nguồn vốn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung, phân bổ đợt 1 (gồm vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%) và điều chỉnh nguồn vốn				
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP					Bổ sung vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Phân bổ đợt 1 vốn phân bổ chi tiết sau	Phân bổ đợt 1 vốn dự phòng 5% (nguồn thu tiền sử dụng đất)				Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+6+11+12	14	15	16					
II	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				4.563.207.2	3.563.207.2	3.563.207.2	897.460.000	2.678.813.886	13.066.734	516.252.000	1.697.142.152	452.353.000	-50.000.000	36.281.995	3.562.555.881	13.066.734	476.252.000	3.073.237.147	
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	Thanh Miện, Ninh Giang, Tứ Kỳ	2021-2025	27/NQ-HĐND, 24/12/2020; 19/NQ-HĐND, 12/7/2021; 1643, 03/6/2021	1.778.886.0	778.886.0	778.886.0	499.650.000	279.236.000			279.236.000				778.886.000		10.000.000	768.886.000	
2	Đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn 1)	Thanh Miện	2022-2025	403; 28/01/2022	397.810.0	397.810.0	397.810.0	397.810.000	13.066.734	13.066.734					-13.718.005	397.158.729	13.066.734		384.091.995	
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	TPHD	2022-2023	65/NQ-HĐND, 28/12/2021	8.411.2	8.411.2	8.411.2		8.411.152			8.411.152				8.411.152			8.411.152	
4	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khởi điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	TPHD	2022-2025	64/NQ-HĐND, 28/12/2021	243.874.0	243.874.0	243.874.0		243.874.000		243.874.000			-50.000.000	50.000.000	243.874.000		193.874.000	50.000.000	
5	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)	Bình Giang	Giai đoạn 2021-2025	61/NQ-HĐND, 28/12/2021	1.208.415.0	1.208.415.0	1.208.415.0		1.208.415.000			1.173.670.000	34.745.000			1.208.415.000			1.208.415.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hạp Thanh đến cầu Quang Thanh	Thanh Hà	Giai đoạn 2021-2025	62/NQ-HĐND, 28/12/2021	421.189.0	421.189.0	421.189.0		421.189.000			421.189.000				421.189.000			421.189.000	
7	Đầu tư xây dựng cầu Cậy thuộc tuyến tránh đường tỉnh 394, tỉnh Hải Dương	Cầm Giang và Bình Giang	Giai đoạn 2021-2025	63/NQ-HĐND, 28/12/2021	202.980.0	202.980.0	202.980.0		202.980.000		202.980.000					202.980.000		202.980.000		
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+400	Tứ Kỳ	Giai đoạn 2021-2025	09/NQ-HĐND; 29/4/2022	257.770.0	257.770.0	257.770.0		257.770.000		69.398.000	50.000.000	138.372.000			257.770.000		69.398.000	188.372.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 để thanh toán khối lượng hoàn thành, đầu tư hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025					Điều chỉnh tăng, giảm (-) nguồn vốn 5 năm 2021-2025		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau bổ sung, phân bổ đợt 1 (gồm vốn phân bổ chi tiết sau và vốn dự phòng 5%) và điều chỉnh nguồn vốn			
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm		
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP					Bổ sung vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Phân bổ đợt 1 vốn phân bổ chi tiết sau					Vốn tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=5+6+11+12	14	15	16
9	Trường THPT Nhị Chiểu, thị xã Kinh Môn (địa điểm mới - giai đoạn 2)	Kinh Môn	Giai đoạn 2021-2025	16/NQ-HĐND; 24/6/2022	43.872.0	43.872.0	43.872.0		43.872.000			43.872.000				43.872.000			43.872.000
III	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành giai đoạn sau năm 2025				3.535.290.0	3.535.290.0	3.535.290.0		1.011.406.554		153.679.835	857.726.719				1.011.406.554		153.679.835	857.726.719
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường và cầu Vạm kết nối Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh với đường dẫn cầu Triều, thị xã Kinh Môn	Chí Linh và Kinh Môn		18/NQ-HĐND; 24/6/2022	1.296.200.0	1.296.200.0	1.296.200.0		231.098.815		13.372.096	217.726.719				231.098.815		13.372.096	217.726.719
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	Tứ Kỳ và Thanh Hà		17/NQ-HĐND; 24/6/2022	846.420.0	846.420.0	846.420.0		280.307.739		140.307.739	140.000.000				280.307.739		140.307.739	140.000.000
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	TPHD và Tứ Kỳ		08/NQ-HĐND; 29/4/2022	1.392.670.0	1.392.670.0	1.392.670.0		500.000.000			500.000.000				500.000.000			500.000.000